



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : _____ Yes, _____ No

EXIT VISA: _____ Yes _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HỒ MINH ĐỨC
Last Middle First

Current Address 670 Nguyễn Đình Chiểu Quận 3 HCM city

Date of Birth 16/10/1950 Place of Birth SG

Previous Occupation (before 1975) second lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 25/3/1975 To 15/9/1980

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: 12/2/88

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Ho Minh Duc
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Nguyen Kim Xung	1/6/1954	wife
Ho Nguyen Chanh Danh	6/10/1984	son
Ho Duc Tran	8/4/1973	nephew

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

ĐƠN THỈNH NGUYỄN

Hình gửi: Bà. Thúc-minh-Pho.

CHỦ TỊCH HỘI GIA-ĐÌNH-TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ VN
(FVNPPA) PO. Box 5435

ARLINGTON VA. 22205-0635

USA.

Hình thưa bà Chủ tịch:

Đôi kỷ tên dưới đây là HỒ-MINH-ĐỨC Sinh ngày
16-10-1950 tại Sài Gòn, nguyên là Thiếu úy
dã quân: 70/126 PPH Sĩ quan TẠP Y - Tiểu
ĐOÀN 1 Quân Y SƯ ĐOÀN 1 Bộ Binh, trước ngày
bị bắt làm tù binh ngày 25-03-1975 ở
Huế, và được thả ra ngày 16-9-1981 ở MỸ

Tôi ở đơn này kính xin bà CHỦ TỊCH vui lòng can
thiệp với chính phủ Hoa Kỳ và cơ quan ODP BANGKOK
của xét xử cấp thư giới thiệu (Letter of INTRODUCTION)
để tiện nộp đơn xin phía VN cấp xuất cảnh cho tôi và gia đình

Tôi cũng xin thêm là cha tôi tên HỒ-VĂN-MÂN, sinh 1926
trước 30-4-1975 là TRƯNG TÁ CÁN SÁT - CHỈ HUY TẠP SÁT

Cảnh sát tỉnh Xiển Hòa, bị bắt ngày 14-6-1975
và ra trại ngày 13-2-1980 (12 năm - ở Thái)

Và chỉ tôi là HỒ-VĂN-CÔNG-SINH 1935 trước ngày
30-4-1975 là Thiếu Tá Quân ĐỘI VNCH cũ, thuộc
đơn vị 101 Phòng Nhì - Bộ Tổng Tham Mưu bị bắt
ngày 14-6-1975 đến nay vẫn còn giam giữ tại
trại Hàm Tân (Thuận Hải) 230 D (trên 13 năm)

Đôi kỷ là bạn thân của tôi cũng hoàn cảnh đã ra
trại và hiện nay đang sống tại Hoa Kỳ.

- HOÀNG HUU-TU.

MOUNTAIN VIEW CA. 94023 USA.

- NGUYỄN-VĂN-CHOT

4 ARLINGTON VA 22205 USA.

TÔI đính kèm theo đây hồ sơ QUESTIONNAIRE về việc

CỦA TÔI GỒM CÓ:

- Bản QUESTIONNAIRE của tôi khai đề ngày 30/7/1988
- 01 PHOTOCOPY GIẤY RA TRỜI.
- 05 Khai sinh của tôi và gia đình.
- 01 HỒN THỦ
- Đơn thỉnh nguyện của tôi xin định cư ở Hoa Kỳ gửi cho ĐP Thái Lan.

Trong khi chờ đợi. Kính xin bà CHỦ TỊCH nhận lời
đây sự kính trọng và biết ơn của tôi.

Sài Gòn ngày 30/7/1988


HỒ MINH ĐỨC

Địa chỉ của tôi:

670 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU ĐS

TP HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

QUESTIONNAIRE FOR EX-POLITICAL PRISONER IN VIETNAM

A. Basic information on applicant in Vietnam :

1. Full name of ex-political prisoner : **HỒ MINH ĐỨC**
2. Date and place of birth : **16-10-1950 - SÀI GÒN**
3. Position and Rank before April 1975 : **THIỆU ỦY SĨ QUÂN TRẠNG**
4. Military serial number : **70/126884**
4. Month, date, year arrested : **25-3-1975**
5. Month, date, year out of camp : **15-9-1980**
6. Photocopy of released certificate : **CÓ**
(attached here one copy)
7. Present mailing address : **670 - NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU Q3**
TP. HỒ CHÍ MINH.
8. Current address : **670 - NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU Q3**
TP. HỒ CHÍ MINH.
9. Training :

II. List full name, date of birth, place of birth of ex-political prisoner and relations :

Full of name	Date of birth	Place of birth	Relationship
1. HỒ MINH ĐỨC	16-10-1950	SÀI GÒN	
2. NG. KIM DUNG	1-6-1954	THÁI BÌNH	VỢ
3. HỒ NG. THẠCH ĐANH	6-10-1984	SÀI GÒN	CON
4. HỒ QUỐC TRẦN	8-4-1973	SÀI GÒN	CHÁU RƯỢT

A. Relative to accompany with ex-political prisoner to be sonsisted for US country :

Full of name	D.O.B.	P.O.B	Sex:M/S	Relationship
1. HỒ MINH ĐỨC	16-10-1950	SÀI GÒN	M	
2. NG. KIM DUNG	1-6-1954	THÁI BÌNH	S	VỢ
3. HỒ NG. THẠCH ĐANH	6-10-1984	SÀI GÒN	M	CON
4. HỒ QUỐC TRẦN	8-4-1973	SÀI GÒN	S	CHÁU RƯỢT

B. Complete family listing (living/dead) of ex political prisoner :

1. Father : **HỒ VĂN MÂN - LIVING**
2. Mother : **PHẠM THY - VĂN - LIVING**
3. Spouse : **NGUYỄN KIM DUNG - LIVING**
4. Children : **HỒ NGUYỄN THẠCH ĐANH - LIVING**

6. Siblings :

III. Relative outside Vietnam :

A. Closed relative in the US :

HỒ THỊ TÀI

HỒ THỊ ĐÀO

B. Closed relative in other foreign country :

CA 90-638 USA.

- PHAM THỊ VÂN - MOTHER

- HỒ VĂN ANH - BROTHER

- HỒ MINH CHAU - BROTHER

IV. Have you submitted the application for family reunification until now ?

These applicants have you reply from Bangkok ODP relative to the ODP from Vietnam.

V. Comment/Remarks : This questionnaire for EX-POLITICAL PRISONER in VIETNAM is submitted to ODP office as the first time (after release from camp) for an immigration into the US country.

Signature :

HỒ MINH QUÊ

Date :

30/7/1988

VI. I list here the document attached to this questionnaire.

01 PHOTOCOPY GIẤY RA TRẠI

05 KINH SĨNH của tôi và gia đình có dân anh?

01 PHOTOCOPY HÔN THỨ.

01 ĐƠN THỈNH NGƯỜI SẴN ĐƯỢC ĐỊNH cư tại Hoa Kỳ.

01 Photo Copy of the UNDERTAKING of ASSISTANCE provided by MR. HỒ VĂN ANH - VÂN, my brother No 017243 on 10-19th 1948

Huế, ngày 15 tháng 9 năm 1980

X LỆNH THA

Căn cứ thông tư số 220/TTg và Tổng tư số 342 ngày 14/4/1978 và ngày 25/6/1978 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc xét tha và gia hạn đối với các binh sĩ nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và các tổ chức chính trị, đảng phái phản động hiện đang bị tập trung giáo dục cải tạo các trại trong tỉnh.

Thực hiện quyết định tha số 18/QĐ ngày 25 tháng 8 năm 1980 của ông Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên.

TRƯỞNG TY CÔNG AN BÌNH TRỊ THIÊN

RA LỆNH THA



Họ và tên: 415 Minh Đức bí danh

Ngày tháng năm sinh: 1950

Quê quán:

Trú quán: 670 Phan Đình Phùng Thành Phố Hồ Chí Minh

Cấp bậc, chức vụ, trong bộ máy chính quyền của chế độ cũ:

Thiếu úy Trại Y.

Khi về phải trực tiếp trình diện ngay với ủy ban nhân dân, công an xã

Phường và công an huyện 2 năm

thuộc tỉnh Thành Phố Hồ Chí Minh và phải chịu sự quản chế của chính

quyền địa phương trong thời hạn 1 tháng đến 12 tháng và phải chấp hành các quy

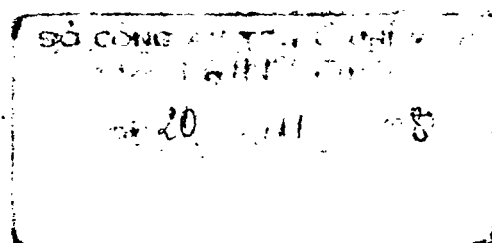
định của ủy ban nhân dân các cấp về việc cư trú và các mặt quản lý khác.

K/T Trưởng ty Công an Bình Trị Thiên



TRẠI GIẢI PHÓNG

Đã kiểm tra lại
Cấp 3
Ngày 20/10/80
Lam
H



Thành phố, Tỉnh ~~SAIGON~~.....

Số 8766-bis
Quyền sở hữu Năm 1950
PHU

[illegible]

Phan kim Thảo,

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số HT 12/P3

Xã, Phường 3

Huyện, Quận 3

Tỉnh, Thành phố H. C. M

QĐ số

Ngày

Số 107

Quyển số 1.

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên HỒ MINH ĐỨC

NGUYỄN KIM DUN

Bí danh

Sinh ngày tháng 16 - 10 - 1950

1 - 6 - 1954

năm hay tuổi

Dân tộc

kinh

kinh

Quốc tịch

Việt Nam

Việt Nam

Nghề nghiệp

Trà May

Nội Trú

Nơi đăng ký

670 Nguyễn Đình

453/3. Nguyễn

nhân khẩu

Chiều 1.3.0.3

Văn Trú 1.22

thường trú

ỦY BAN NHÂN DÂN

Q. 3

Số giấy chứng

minh nhân dân: 02576781

0.3

hoặc hộ chiếu

PHIẾU KẾT HÔN

020068065

Đăng ký ngày 15 tháng 12 năm 1982

Người chồng ký

Người vợ ký

TM. U.B.N.D.

[Signature]

[Signature]



[Signature]

Tham Công

SỞ TƯ-Pháp
SỞ TƯ-Pháp BẮC-Pháp
HÒA-GIẢI QUÂN BANMETHUOT

TRÍCH LỤC Y BAN CHÁNH

TRÍCH LỤC Y BAN CHÁNH
LỤC-SỰ LƯU-HẢI QUÂN BANMETHUOT

/Ngày 21 tháng 12 năm 1964

TRÍCH-VI KHAI-SINH

cho : NGUYỄN-KIM-DUNG

Số : 3718 / KS



1ột giấy Thê-vi Khai-sinh

Do VŨ-THỊ-DIỆP

Ông Đại-Ủy THƯỜNG-TIẾN-HOẠT xin cấp được

Quân-Trưởng Quân Banmêthuot kiêm Thẩm -
Phán Hòa-Giải lập ngày 21/12/1964

Trước-Sa tại Banmêthuot ngày

quyển: tờ: số:

TRÍCH HÀ KHU SAU ĐÂY :

- | | | |
|-----|----------------|----------|
| 1/- | TRẦN-QUANG-HẢI | 43 tuổi, |
| 2/- | TRẦN - GIẢN | 50 tuổi, |
| 3/- | LÂM-THỊ-HUỆ | 37 tuổi, |

/V/ Đồng nhân-chứng này sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-
Định ngày 11.11.1947 của Thủ-Tướng Chánh-Thủ Tểm-Pheo Nam -Phân
Việt-Nam và Điều 363 và kế tiếp hình-luật cạnh-cải sửa đổi bằng
Sắc-Định ngày 31.12.1952 và sau khi tuyên-tệ quả quyết và biết

chắc rằng : NGUYỄN-KIM-DUNG, (NỮ) sinh ngày MƯỜI MỘT, tháng SÁU, năm
một ngàn chín trăm NĂM MƯƠI TƯ (01-06-1954) tại Thị-lã Thái-Bình,
Tỉnh Thái-Bình, (Bắc-Việt). Là con Ông NGUYỄN-VĂN-DIỆP và Bà VŨ-THỊ-
DIỆP, (đều còn sống) ./-

Số hồ-túc nờ-sơ : HÀNH-chánh

Lê-phí :

(1) lập lại số, ngày, tháng,
năm trên đây mỗi khi
xin trích-lục

TRÍCH LỤC Y BAN CHÁNH
Banmêthuot, ngày 04 tháng 12 năm 1973



V-DIÃO-NIỀ-ĐUỒN-RIT

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu BT3/P3

Xã, Thị trấn

Thị xã, Quận

Thành phố, Tỉnh

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số

Quyển số

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và Tên

HỒ NGUYỄN THỊCH ĐANH

Nam, nữ

Sinh ngày

6/10/1984

tháng, năm

Nơi sinh

SV Hùng Vương



Khai về cha mẹ

CHA

MẸ

Họ, tên, tuổi (hoặc
ngày, tháng, năm sinh)

HỒ MINH CỐC

1930

NGUYỄN KIM DUNG

1934

Dân tộc

Quốc tịch

Nghề nghiệp

Nơi ĐKKK thường trú

Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK
thường trú, số giấy chứng
minh hoặc CNCC của
người đứng khai

670 Nguyễn Đình Chiểu

HỒ MINH CỐC

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày tháng năm 1984

TM/UBND ký tên đóng dấu

Đăng ký ngày tháng năm 1984

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)



Nguyễn Văn Trường

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu : HT2/P.

Xã, Thị trấn

Phường Phú Lâm

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Thị xã Quận

Q6

Thành phố, Tỉnh Hồ Chí Minh

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 792

Quyển số 04

Họ và tên :	Hồ Quốc Trân	Nam, nữ	NỮ
Sinh ngày / tháng, năm :	Tám tháng tư năm một chín bảy ba (08.04.1973)		
Nơi sinh	363 Thiệu Trị		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày tháng, năm sinh)	Hồ Văn Anh Tuấn 25	Lý Quốc Hương 23	
Dân tộc	//	//	
Quốc tịch			
Nghề nghiệp	Quản nhân	Nội trợ	
Nơi ĐKNK thường trú	363 Thiệu trị	363 Thiệu trị	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Hồ Văn Anh Tuấn 25 363 Thiệu trị		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 29 tháng 03 năm 1985

TM. UBND Q6 ký tên đóng dấu

Phó Văn Phòng



Viết Bình

Đăng ký ngày 14 tháng 4 năm 1985

(ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Viên chức hộ tịch đã ký

Nguyễn Thành Vĩnh

NAM - PHAN

ĐÔ - THÀNH SAIGON

Bản số 79191a

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

HỘ - TỊCH

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm bốn mươi tám (1948)

16 giờ 25 ngày

19-10-1948

Sáng -
16 giờ 25 phút

ngày 19 tây -

tháng 10-1948

Tên, họ đứa nhỏ	Đỗ Văn Anh-Tuân
Phối	nam giới
Ngày sinh	le dix neuf octobre mil neuf cent quarante huit à Saïgon
Nơi sinh	hàng, rue Richaud à Saïgon
Tên, họ người Cha	Đỗ Văn Tấn qui déclare le reconnaître
Nghĩa-nghiệp	Secrétaire
Nơi cư ngụ	hàng, rue Richaud à Saïgon
Tên, họ người mẹ	Chưa biết
Nghề-nghiệp	épave
Nơi cư-nghụ	hàng, rue Richaud à Saïgon
Vợ chánh hay thú	/

TRÍCH-LỤC Y BỔN CHÍNH:

M. 6

Saigon, ngày 19 tháng 6 năm 1968

8

T.U.N. ĐÓ-TRƯỞNG SAIGON
TRƯỞNG PHÒNG HỘ-TỊCH

lưu



ĐÔ-THÀNH SAIGON

5133 - XY - 72928

ORIGINATING OFFICE FILE NO - DOSSIER D'IMMIGRATION NO: **DAWSON CREEK**
VISA OFFICE FILE NO - DOSSIER DE VISA NO: **R 017243**
APPLICATION NO - DEMANDE NO: **R 017243**

PERSON GIVING UNDERTAKING (GUARANTOR) - PERSONNE PRENANT L'ENGAGEMENT (GARANT)

MY FAMILY NAME IS / MON NOM DE FAMILLE: **HO**
MY FIRST NAME IS / MON PRÉNOM: **Tuan**
MY MIDDLE NAME IS / MON SECOND PRÉNOM: **Anh Van**
DATE OF BIRTH / DATE DE NAISSANCE: **19 10 1948**
MY PRESENT MAILING ADDRESS IS / MON ADRESSE POSTALE ACTUELLE: **Box 1510**
NO. AND STREET / NO ET RUE: **Chetwynd**
CITY OR TOWN / VILLE: **B.C.**
PROVINCE: **788-2184**
TELEPHONE NO / NO DE TÉLÉPHONE: **788-2184**
I AM - JE SUIS: ☒ CANADIAN CITIZEN / CITOYEN CANADIEN ☐ PERMANENT RESIDENCE OF CANADA / RÉSIDENT PERMANENT AU CANADA ☐ I WAS ADMITTED TO CANADA ON / J'AI ÉTÉ ADMIS AU CANADA AU: **DAY / MOIS / ANNÉE**

EMPLOYER'S NAME / NOM DE L'EMPLOYEUR: **Maple Leaf Helicopter**
ADDRESS / NO. AND STREET / ADRESSE / NO DE RUE: **Box 1510**
CITY OR TOWN / CITÉ OU VILLE: **Chetwynd**
PROVINCE: **B.C.**
I AM - JE SUIS: ☒ EMPLOYED AS (OCCUPATION) / EMPLOYÉ COMME (EMPLOI): **Commercial Pilot**
☐ RETIRED / À LA RETRAITE
☐ UNEMPLOYED (EXPLAIN) / SANS EMPLOI (PRÉCISER)

PERSON(S) COVERED BY UNDERTAKING (NAMED IMMIGRANT(S)) - PERSONNE(S) VISÉE(S) PAR L'ENGAGEMENT (IMMIGRANT(S) DÉSIGNÉ(S))

FAMILY NAME / NOM DE FAMILLE	GIVEN NAMES / PRÉNOMS	RELATIONSHIP / LIEN DE PARENTÉ	DATE, PLACE AND COUNTRY OF BIRTH / DATE, LIEU ET PAYS DE NAISSANCE	MARITAL STATUS / ÉTAT MATRIMONIAL	CITIZENSHIP / CITOYENNETÉ
HO, Minh Duc		Brother	16-10-50 Saigon, Vietnam	Single	Vietnamese

THE PRESENT MAILING ADDRESS OF MY DEPENDENT(S) IS - ADRESSE POSTALE ACTUELLE DES PERSONNES À MA CHARGE EST

670 Nguyen Dinh Chieu Quan 3 Ho Chi Minh City, Social Republic of Vietnam

- In consideration of approval being given by the Minister of Employment and Immigration for the admission to Canada of the Named Immigrant(s) listed above, I will undertake:
 - to provide or assist in providing adequate lodging as may be reasonably required by the Named Immigrant(s) during the period of settlement;
 - to provide adequate food, clothing and incidental living needs as may be reasonably required by the Named Immigrant(s) during the period of settlement;
 - to provide counselling for the Named Immigrant(s) as required in settling into community life in Canada;
 - to provide financial assistance to the Named Immigrant(s) so that such person(s) shall not require financial maintenance support from federal or provincial assistance programme prescribed by regulation under the Immigration Act, 1976.
- Further understand and agree:
 - that the Minister may assign his interest in this undertaking to Her Majesty in right of any Province in which the Named Immigrant(s) reside or resided during the settlement period;
 - that where payments are made to the Named Immigrant(s) from any of the assistance programmes prescribed, such payments shall be deemed to have resulted from a breach of this undertaking;
 - that Her Majesty in right of Canada or in right of any Province so assigned may take action in any court of competent jurisdiction to recover such payments as a debt due to Her Majesty.
 - that the period of settlement for which this undertaking is given shall be for a period of 5 years from the date of admission of the Named Immigrant(s) to Canada.

IN WITNESS WHEREOF I OFFER MY HAND AND SEAL THIS

THIS **19th** DAY OF **DECEMBER** 19**79**

IMMIGRATION OFFICER (WITNESS) - AGENT D'IMMIGRATION (TÉMOIN)

- Etant donné que le ministre de l'Emploi et de l'Immigration approuve l'admission au Canada des immigrants désigné ci-dessus, je m'engage:
 - à fournir aux immigrants désignés un logement convenable pendant la période d'établissement, dans la mesure où ils en expriment raisonnablement le besoin, ou à les aider à en trouver un;
 - à fournir aux immigrants désignés la nourriture et les vêtements nécessaires ainsi qu'à faire face aux dépenses imprévues de ces derniers pendant la période d'établissement, dans la mesure où ils en expriment raisonnablement le besoin;
 - à fournir aux immigrants désignés les conseils nécessaires à leur adaptation au milieu canadien;
 - à fournir, conformément au règlement établi aux termes de la Loi sur l'immigration de 1976, une aide pécuniaire aux immigrants désignés, de sorte qu'ils n'aient pas besoin de recourir aux programmes d'aide fédéraux et provinciaux.
- En outre, je conviens et j'accepte:
 - que le Ministre puisse céder ses droits dans cet engagement à Sa Majesté du chef de toute province dans laquelle les immigrants désignés résideront ou auront résidé pendant la période d'établissement;
 - que tout paiement versé aux immigrants désignés dans le cadre des programmes d'aide établis soit considéré comme étant imputable à l'exécution du présent engagement;
 - que Sa Majesté du chef du Canada de toute province cessionnaire puisse engager des poursuites devant tout tribunal compétent pour recouvrer les paiements qui constituent une dette contractée envers Sa Majesté.
 - que la période d'établissement visée par le présent engagement soit de 5 ans à compter de la date d'admission au Canada de l'immigrant désigné.

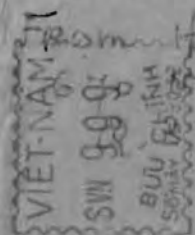
EN FOI DE QUOI JE SIGNE

CE **19th** JOUR DE **DECEMBER** 19**79**

GUARANTOR - RÉPONDANT

The information to be provided in the top part of this form is required for the purposes of determining the eligibility for admission to Canada of your relatives and to identify you for the purposes of the undertaking, as authorized by the Immigration Act, 1976 and regulations thereunder. For more details on uses and the rights for inspecting and correcting the information, refer to the federal information. Bank index, available in Canada at post offices and most libraries.

Les renseignements qui devront figurer dans la partie supérieure du présent formulaire visent à établir si vos parents peuvent être admis au Canada et à vous identifier à titre de garant, aux termes de la Loi sur l'immigration de 1976 et du Règlement qui s'y rattache. Si vous désirez obtenir des précisions quant à l'utilisation des renseignements et au droit de les vérifier et de les corriger, veuillez consulter le catalogue des banques fédérales de données que vous pouvez vous procurer au Canada dans les bureaux de poste et la plupart des bibliothèques.



Hồ Chí Minh
Nguyễn Đình Chiểu
TP Hồ Chí Minh

DHN

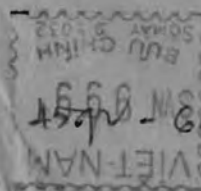


To: TRẦN THỊ PHUONG

P.O. Box 5435 ARLINGTON



VA 22205-0635



USA

ĐƠN THỈNH NGUYỄN

Kính gửi: Bà. Arthur - Anh - Chó.

CHỦ TỊCH HỘI GIA-ĐÌNH-TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ VN
(FVNPPA) PO. BOX 5435
ARLINGTON VA 22205-0635
USA.

Kính thưa bà Chủ tịch:

Đôi kỷ tên đôi đây là HỒ MINH-ĐỨC sinh ngày 16-10-1950 tại Sài Gòn, nguyên là Thiếu úy
dã quân: 40/126 PPH Sĩ quan TRẠ Y - Tiểu
Đoàn 1 Quân Y SĐ ĐOÀN 1 Bộ Binh, trước ngày
bị bắt làm tù binh ngày 25-03-1975 ở
Huế, và được thả ra ngày 16-9-1981 ở NHÉ

Tôi ở đơn này. Kính xin bà Chủ tịch vui lòng can
thiệp với chính phủ Hoa Kỳ và cơ quan ODP BANGKOK
của xét xử cấp thư giới thiệu (Letter of INTRODUCTION)
để tiến nộp đơn xin nhập VN cấp xuất cảnh cho tôi và gia đình

Tôi cũng xin thêm là cha tôi tên HỒ-VĂN-MÂN, sinh 1926
trước 30-4-1975 là TRƯNG TÁ CÁN SÁT - CHI HUY TRƯỞNG
Cảnh sát tỉnh Xiển Hòa, bị bắt ngày 14-6-1975
và ra trại ngày 13-2-1988 (12 năm - 8 tháng)

Và chỉ tôi là HỒ-VĂN-CƠN-sinh 1935 trước ngày
30-4-1975 là Thiếu Tá Quân ĐỘI VNCH cũ, thuộc
ĐƠN VỊ 101 Phòng Nhì Bộ Tổng Tham Mưu bị bắt
ngày 14-6-1975 đến nay vẫn còn giam giữ tại
Trại Hàm Tân (Thuận Hải) 230 D (trên 13 năm)

Đôi đây là bạn thân của tôi cũng hoàn cảnh đã ra
trại và hiện nay đang sống tại Hoa Kỳ.

- HOÀNG HƯNG-TU

MOUNTAIN VIEW CA. 94043 USA.

- NGUYỄN VĂN CHOT

14 ARLINGTON VA 22205 USA.

Tôi đính kèm theo đây hồ sơ QUESTIONNAIRE về việc

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

LIST OF ~~VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS RELEASED ON~~
~~VIETNAMESE NEW YEAR (TET 1986)~~

Name & Address in Vietnam	Date of Birth	Occupation	Date Arrested	IV No.	VEWL	I-171	Sponsor's Name & Address	Remarks
Võ Đại Tôn		Colonel	1975				Mrs. Võ Đại Tôn Australia	Needs: IV LOI Complete
Trần Châu Trí Hải Tân Camp	1940	Major	"				Nguyễn Thị Liên Hoa	Needs: IV LOI Complete
Vũ Đức Nghiêm HT 1870B Phân Trại A - Đồi 3B Xuân Hòa, Phú Khánh	1930	LT. Col.	"		Released		Vu, David Pasadena, CA. 91104	Needs: IV LOI Complete
Hồ Văn Cơn Hải Tân Z.30D	1935	Major	"				Hoàng Hiền Tú	Needs: IV LOI Complete
Hồ Việt Tống Hải Tân K3		Major	"				Hoàng Tống,	Needs: IV LOI Complete

11/13/88

11/13/88

X 18/2/89

11/13/88

CONTROL

Card
12/2/88 Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date
12/2/88 Membership Letter